

Số: 452/TB-BVQDY

Cần Thơ, ngày 18 tháng 6 năm 2026

**THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ**  
(Về việc báo giá hóa chất đi kèm máy)

Kính gửi:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Gói thầu số 03: Hóa chất đi kèm máy (lần 2) Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, hóa chất sử dụng cho chương trình ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm, hóa chất đi kèm máy cho Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng năm 2026-2027, nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
  - Khoa Dược-VT-TBYT Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng.
  - Địa chỉ: 377 Nguyễn Văn Linh, Khu vực 9, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ.
  - Điện thoại: 02996255312.

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

Đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam gửi bản giấy báo giá có đóng dấu và gửi kèm theo bảng mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế về địa chỉ: Khoa Dược-VT-TBYT Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng. Địa chỉ: 377 Nguyễn Văn Linh, Khu vực 9, phường Phú Lợi, thành phố Cần Thơ.

Thời gian tiếp nhận báo giá:

Từ 08h00 ngày 18 tháng 6 năm 2026 đến 17h00 ngày 28 tháng 6 năm 2026.

**4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:**

Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2026.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

- Danh mục hóa chất đi kèm máy. (Danh mục đính kèm)
- Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng.

Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng kính mời Quý nhà cung cấp có đủ năng lực và khả năng gửi báo giá, rất mong nhận được sự quan tâm và tham gia từ phía các nhà cung cấp.

Trân trọng./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: TCHC, Dược.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Chí Toàn**



**DANH MỤC HÓA CHẤT ĐI KÈM MÁY**

(Đính kèm theo Thông báo số 452/TB-BVQDY ngày 18/6/2026 của Bệnh viện Quân Dân y Sóc Trăng)

STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mời thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
<b>HÓA CHẤT ĐI KÈM MÁY</b>					
<b>1. Máy phân tích nước tiểu tự động - Clinitek Status+; - Simens - Đức- Nước SX: Anh</b>					
1	Test thử nước tiểu	Được dùng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động Clinitek Status và Clinitek Advantus. 10 thông số xét nghiệm bao gồm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen. Hộp 100 test.	Hộp/Túi	Test	4.000
2	Test nội kiểm (Que chuẩn máy âm dương)	Được sử dụng để đảm bảo kết quả với các chỉ số: màu, độ trong, đường, bilirubin, ketone, tỉ trọng, hồng cầu, pH, protein, Urobilinogen, nitrite và bạch cầu trong xét nghiệm nước tiểu. Đóng gói tối thiểu: Hộp 2x25 que	Hộp/Túi	Que	100
Gồm: 02 mặt hàng					
<b>2. Máy sinh hóa tự động - BT4500 - Biotecnica - Ý</b>					
3	Albumin	Đo chỉ số Albumin trong huyết thanh, huyết tương người + Thành phần: - R: Bromocresol green pH 4,2 ,0,12 mmol/L. Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL	Hộp/Chai	ml	1.440
4	ALT/ GPT	Đo nồng độ GPT trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R1: Tris pH 7.8: 100 mmol/l Lactate dehydrogenase (LDH): 1200 U/L L-Alanine: 500mmol/l - R2: NADH: 0.18 mmol/l. $\alpha$ -Ketoglutarate: 15 mmol/l Đóng gói tối thiểu: 4x40 mL/2x20 mL	Hộp/Chai	ml	2.800
5	AMP Multical	Là chất hiệu chuẩn huyết thanh cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Đóng gói tối thiểu: mỗi hộp: 4x3ml	Hộp/Chai	ml	60
6	AMP Multitrol I	Là chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. Đóng gói tối thiểu: 4x5ml	Hộp/Chai	ml	100
7	AMP Multitrol II	Là chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. + Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. Đóng gói tối thiểu: 4x5ml	Hộp/Chai	ml	100
8	Amylase	Đề đo chỉ số Amylase trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - MES pH 6,0 100 mmol/L - CNPG3 2,25 mmol/L - Sodium clorhidre 350 mmol/L - Calcium acetate 6 mmol/L - Potassium thiocyanate 900 mmol/L - Sodium azide 0,95 gr/L Đóng gói tối thiểu: 6x40mL	Hộp/Chai	ml	960

STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mời thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
9	AST/ GOT	<p>Đề đo nồng độ GOT trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- R1: Tris pH 8,25: 80mmol/l; Lactate dehydrogenase (LDH): 800U/L Malate dehydrogenase (MDH): 600U/L L-Aspartate: 200mmol/l</p> <p>- R2: NADH: 0.18 mmol/l A-Ketoglutarate: 12 mmol/l</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x40 mL/2x20 mL</p>	Hộp/Chai	ml	2.800
10	Bilirubin total & Direct	<p>- Đo nồng độ Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- R1: Sulfamic acid 10 0 mM - R2: 2,4-DPD 0.5 mM</p> <p>- Đề đo chỉ số Bilirubin toàn phần trong máu toàn phần người.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- R 1: Surfactants &lt; 1% Hydrochloric acid (HCl) 160 mM - R 2: 2,4-DPD ≥ 2 mM Hydrochloric acid (HCl) 120 mM Surfactants &lt; 1%</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x40 mL/2x20 mL</p>	Hộp/Chai	ml	1.600
11	Bóng đèn máy sinh hóa	Bóng đèn máy sinh hóa Hộp 1 bóng	Hộp	Cái	2
12	CK-MB control	<p>Hóa chất phân tích sinh hóa Control CK-NAC / CK-MB. Low + High Level</p> <p>CK-Nac / CK-MB CONTROL mức thấp+cao là huyết thanh đông khô ở người. Được thiết kế để kiểm soát độ chính xác để sử dụng với các quy trình phân tích thủ công và tự động.</p> <p>+ Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. Nồng độ của các thành phần là đặc trưng cho từng lô.</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x2 ml</p>	Hộp/Chai	ml	16
13	CK-MB calibration	<p>Là chất hiệu chuẩn huyết thanh cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. Phục vụ chẩn đoán y học.</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x3ml.</p>	Hộp/Chai	ml	24
14	Cuvet	Cuvet dùng cho Máy sinh hóa tự động - BT4500 - Biotecnica - Ý Hộp 1 bộ.	Hộp	Bộ	2
15	Cholesterol	<p>Đề đo chỉ số Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- Hóa chất chính: PIPES pH 6,9 90 mmol/L Phenol 26 mmol/L Cholesterol esterase (CHE) 1000 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) 300 U/L Peroxidase (POD) 650 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP) 0,4mmol/L</p> <p>- CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính 200 mg/dL. Chứa Triton X-114 10-15%</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL</p>	Hộp/Chai	ml	5.040



STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mời thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
22	HbA1c Enzyme Calibration	Là một chất hiệu chuẩn, dành cho việc hiệu chuẩn phép đo HbA1c trên các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động. + Thành phần: - Chứa máu người với nồng độ HbA1c ghi trên mỗi lọ, chất bảo quản. Đóng gói tối thiểu: 4x0.5mL.	Hộp/Chai	ml	4
23	HbA1c Enzyme Control	Là một chất kiểm chuẩn, dành cho việc kiểm chuẩn phép đo HbA1c trên các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động. + Thành phần: - Chứa máu người với nồng độ HbA1c ghi trên mỗi lọ, chất bảo quản. Đóng gói tối thiểu: 4x0.5mL	Hộp/Chai	ml	4
24	HDL Cholesterol	Đề đo chỉ số HDL trong huyết thanh, huyết tương người + Thành phần: - R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0.7 mM Cholesterol Esterase $\geq$ 800 U/L Cholesterol oxidase $\geq$ 500 U/L Catalase $\geq$ 300 U/L Ascorbic oxidase $\geq$ 3000 U/L - R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1.1mmol/l 4 – Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM Peroxidas $\geq$ 3500 U/L. Đóng gói tối thiểu: 4x30 mL / 2x20 mL	Hộp/Chai	ml	2.720
25	Homocysteine control	Là chất kiểm soát huyết thanh đa thành phần cho các xét nghiệm hóa học lâm sàng. + Thành phần: Huyết thanh người. Phụ gia sinh học. Tác nhân kim khuẩn. Đóng gói tối thiểu: 4x5mL	Hộp/Chai	ml	40
26	Protein	Đề đo tổng số protein trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R Biuret: Sodium potassium tartrate 15 mmol/L Sodium iodide 100 mmol/L Potassium iodide 5 mmol/L Copper (II) sulphate 5 mmol/L Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL	Hộp/Chai	ml	1.080
27	Triglycerid	Đề đo chỉ số Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R: GOOD pH 6.3 50 mmol/L p-Chlorophenol 2 mmol/L Lipoprotein lipase (LPL) 150000 U/L Glycerol kinase (GK) 500 U/L Glycerol-3-oxidase (GPO) 3500 U/L Peroxidase (POD) 440 U/L 4 – Aminophenazone (4-AP) 0,1 mmol/L ATP 0,1 mmol/L Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL	Hộp/Chai	ml	5.040



STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mồi thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
34	Bilirubin Auto Direct	Đề đo nồng độ Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R1: Sulfamic acid 10 0 mM - R2: 2,4-DPD 0.5 mM Hydrochloric acid (HCL) 0.3 M. Đóng gói tối thiểu :4x40 mL / 2x20 mL	Hộp/Chai	ml	600
35	Bilirubin Auto Total	Đề đo chỉ số Bilirubin toàn phần trong huyết thanh, huyết tương người. Thành phần: R 1: - Surfactants < 1% - Hydrochloric acid (HCl) 160 mM R 2: - 2,4-DPD ≥ 2 mM - Hydrochloric acid (HCl) 120 mM - Surfactants < 1% Đóng gói tối thiểu: 4x40 mL / 2x20 mL	Hộp/Chai	ml	600
36	Bóng đèn máy sinh hóa	Bóng đèn sử dụng cho máy sinh hóa tự động - BT4500 - Biotecnica Ý. Hộp 1 bóng.	Hộp	Cái	8
37	Cholesterol	Đề đo chỉ số Cholesterol trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - Hóa chất chính: PIPES pH 6,9 90 mmol/L Phenol 26 mmol/L Cholesterol esterase (CHE) 1000 U/L Cholesterol oxidase (CHOD) 300 U/L Peroxidase (POD) 650 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP) 0,4mmol/L - CHOLESTEROL CAL: Cholesterol dung dịch nước tiêu chuẩn chính 200 mg/dL. Chứa Triton X-114 10-15% Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL	Hộp/Chai	ml	2.880
38	Creatinine	Đề đo chỉ số Creatinine trong huyết thanh, huyết tương, nước tiểu người. Phục vụ chẩn đoán y học. + Thành phần: - R1 Picnic acid 17,5 mmol/L - R2 Sodium hydroxide 0,29 mol/L Đóng gói tối thiểu: 3x60 mL/ 3x60 mL	Hộp/Chai	ml	1.080
39	Gamma-GT	Đề đo nồng độ GGT trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 100 mmol/l Glycylglycine: 100 mmol/l - R2: L-γ-glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide: 3 mmol/l Đóng gói tối thiểu :4x40 mL/ 2x20 mL	Hộp/Chai	ml	2.160
40	Glucose	Đề đo nồng độ Glucose trong huyết thanh, huyết tương người. + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 92 mmol/l Phenol: 0.3 mmol/l - R2: Glucose oxidase: 15000 U/L Peroxidase: 1000 U/L 4-Aminophenazone: 2.6 mmol/l - Glucose CAL: nồng độ Glucose 100mg/dl Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL	Hộp/Chai	ml	5.400

STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mời thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
41	HbA1c	<p>Đề đo chỉ số HbA1c trong máu người.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- R1: Latex 0.13% Buffer, Stabilizer.</p> <p>- R2: Mouse anti-human HbA1c monoclonal antibody 0,05 mg/ml, Goat anti-mouse IgG polyclonal antibody 0,08 mg/dl, Buffer, stabilizers</p> <p>- R3: Water and stabilizers</p> <p>Đóng gói tối thiểu : 1x30 mL/ 1x10 mL/ 1x125ml</p>	Hộp/Chai	ml	1.320
42	HbA1c Enzyme Calibration	<p>Là một chất hiệu chuẩn, dành cho việc hiệu chuẩn phép đo HbA1c trên các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động và bán tự động.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- Chứa máu người với nồng độ HbA1c ghi trên mỗi lọ, chất bảo quản.</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x0.5mL</p>	Hộp/Chai	ml	4
43	HbA1c Enzyme Control	<p>Là một chất kiểm chuẩn, dành cho việc kiểm chuẩn phép đo HbA1c trên các loại máy xét nghiệm sinh hóa tự động.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- Chứa máu người với nồng độ HbA1c ghi trên mỗi lọ, chất bảo quản.</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 4x0.5mL</p>	Hộp/Chai	ml	4
44	HDL-C	<p>Đề đo chỉ số HDL trong huyết thanh người.</p> <p>+ Thành phần hoặc tương đương:</p> <p>- R1: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 6,6: 100 mM N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3,5-dimethoxyaniline (HDAOS): 0.7 mM Cholesterol Esterase <math>\geq</math> 800 U/L Cholesterol oxidase <math>\geq</math> 500 U/L Catalase <math>\geq</math> 300 U/L Ascorbic oxidase <math>\geq</math> 3000 U/L</p> <p>- R2: N,N-bis(2-hydroxyethyl)-2-aminoethanesulphonic acid pH 7,0: 1.1mmol/l 4 - Aminoantipyrine (4-AA): 100 mM Peroxidase <math>\geq</math> 3500 U/L.</p> <p>Đóng gói tối thiểu : 4x30 mL / 2x20 mL</p>	Hộp/Chai	ml	1.280
45	PROTEIN	<p>Đề đo tổng số protein trong huyết thanh, huyết tương người. Phục vụ chẩn đoán y học.</p> <p>+ Thành phần:</p> <p>- R Biuret:</p> <p>Sodium potassium tartrate 15 mmol/L Sodium iodide 100 mmol/L Potassium iodide 5 mmol/L Copper (II) sulphate 5 mmol/L</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL</p>	Hộp/Chai	ml	1.080
46	Triglycerides	<p>Đề đo chỉ số Triglycerides trong huyết thanh, huyết tương người.</p> <p>+ Thành phần hoặc tương đương:</p> <p>- R:</p> <p>GOOD pH 6.3 50 mmol/L p-Chlorophenol 2 mmol/L Lipoprotein lipase (LPL) 150000 U/L Glycerol kinase (GK) 500 U/L Glycerol-3-oxidase (GPO) 3500 U/L Peroxidase (POD) 440 U/L 4 - Aminophenazone (4-AP) 0,1 mmol/L ATP 0,1 mmol/L</p> <p>Đóng gói tối thiểu: 6x60 mL</p>	Hộp/Chai	ml	2.880



STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mời thầu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
60	Dung dịch chuẩn máy 3 mức	Dung dịch chuẩn máy 3 mức: Bình thường/thấp/cao Quy cách đóng gói tối thiểu: 3x3ml	Hộp/Chai	ml	27
<b>Gồm: 06 mặt hàng</b>					
<b>5. Máy phân tích huyết học tự động 22 thông số với 3 thành phần bạch cầu - Elite 3; - Erba - Đức - Nước SX: Hungary</b>					
61	Calibrator Hematology	Sử dụng trong việc hiệu chuẩn các máy phân tích huyết học Quy cách đóng gói tối thiểu: 2x3ml	Hộp/Chai	ml	6
62	Cleaner	Chất tẩy rửa ..... < 1.0 % Chất đệm ..... < 1.0 % Chất bảo quản ..... < 0.5 % Chất ổn định ..... < 0.5 % Nước không có ion	Hộp/Chai	ml	12.000
63	Diluent Hematology Cons	Thành phần hoặc tương đương: Natri clorua ..... < 1,5 % Chất đệm ..... < 1,0 % Chất bảo quản ..... < 0,5 % Chất ổn định ..... < 0,5 % Nước không có ion	Hộp/Chai	lít	1.400
64	Hard clean Hematology Cons	Thành phần hoặc tương đương: Chất tẩy rửa ..... < 1.0 % Natri hypoclorit ..... < 5.0 % Natri hydroxit ..... < 0.5 % Chất ổn định ..... < 0.5 % Nước không có ion	Hộp/Chai	ml	200
65	Hematology Control 3-Level	Máu chuẩn biệt trước nồng độ 3 level, dùng để nội kiểm máy huyết học Elite 3 Đóng gói tối thiểu: 3x3ml	Hộp/Chai	ml	72
66	Hypoclean tubing Hematology Cons	Thành phần hoặc tương đương: Chất tẩy rửa ..... < 1.0 % Natri hypoclorit ..... < 1.0 % Natri hydroxit ..... < 1.0 % Chất ổn định ..... < 0.4 % Nước không có ion	Hộp/Chai	ml	2.000
67	Lyse - Hematology - RGT - 900 Tests	Thành phần hoặc tương đương: Chất hoạt động bề mặt .... < 3.5 % Bộ đệm ..... < 1.0 % Chất bảo quản ..... < 0.5 % Chất ổn định ..... < 0.5 % Nước không có ion	Hộp/Chai	ml	30.000
<b>Gồm: 07 mặt hàng</b>					
<b>6. Máy ion đồ 05 thông số - EasyLyte Expand - Medica Corporation - Mỹ</b>					
68	Easylyte Na/K/Cl/Ca/Li	Thành phần hoặc tương đương: Standard A Solution, 800mL 140.0 mmol/L Na+ 4.0 mmol/L K+ 125.0 mmol/L Cl- 1.25 mmol/L Ca++ 1.00 mmol/L Li+ Buffer Preservative Wetting Agent Standard B Solution, 180mL 35.0 mmol/L Na+ 16.0 mmol/L K+ 41.0 mmol/L Cl- 2.50 mmol/L Ca++ 0.40 mmol/L Li+ Buffer Preservative Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container.	Hộp/Chai	ml	12.000

STT	Tên hàng hóa xem chính	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản/Quy cách tối thiểu mồi thâu	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng
69	Daily Cleaning	Thành phần hoặc tương đương: HCl (0.1 N) và muối; Bao gồm một (1) chai dung dịch rửa máy 90 ml và sáu (6) lọ pepsin 0.5g Quy cách: Chai "HCl (0.1 N) và muối; Bao gồm một (1) chai dung dịch rửa máy 90 ml và sáu (6) lọ pepsin 0.5g	Hộp/Chai	ml	180
70	Quality Control Kit	Thành phần hoặc tương đương: bao gồm dung dịch muối, chất đệm. Albumin và chất bảo quản. Không chứa huyết thanh của con người.	Hộp/Chai	ml	200
71	Wash Solution	Thành phần hoặc tương đương: Ammonium Bifluoride – 0.1 mol/L Nước khử ion	Hộp/Chai	ml	100
72	K+ Electrode	ĐIỆN CỰC DÙNG CHO Máy ion đồ 05 thông số	Hộp	Cái	1
73	Na+ Electrode	ĐIỆN CỰC DÙNG CHO Máy ion đồ 05 thông số	Hộp	Cái	1
74	Cl- Electrode	ĐIỆN CỰC DÙNG CHO Máy ion đồ 05 thông số	Hộp	Cái	1
75	Ca+ Electrode	ĐIỆN CỰC DÙNG CHO Máy ion đồ 05 thông số	Hộp	Cái	1
<b>Gồm: 08 mặt hàng</b>					
<b>7. Máy HbA1C- Quo-Lab; EKF Diagnostic GmbH - Đức;</b>					
76	Test thử HbA1C	Thành phần 1 kit test hoặc tương đương: Ammonium Chloride 0.54% Sodium, Deoxycholate Monohydrate 0.40% Sodium Azide: hàm lượng phù hợp Nước Boronate conjugate 11 µg	Hộp/Túi	Test	4.500
77	Nội kiểm HbA1c level 1, 2	+ Normal A1c control: 0,25ml - Thành phần chính hoặc tương đương: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ hoặc tương đương: Kaki Xyanua + Abnormal A1c Control: 0,25ml - Thành phần chính hoặc tương đương: máu người đã được sàng lọc loại bỏ kháng nguyên viêm gan B, HIV-1, HIV-2, kháng thể viêm gan C và giang mai. - Thành phần phụ hoặc tương đương : Kaki Xyanua + Nước, natri azide 2 ml Quy cách tối thiểu mỗi hộp là : Level 1: 2x0.25ml Level 2: 2x0.25ml	Hộp/Chai	ml	1
<b>Gồm: 02 mặt hàng</b>					
<b>Tổng gói thầu số 03: 77 mặt hàng</b>					